

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24/02/2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Bốn - Cán bộ hưu trí.
2. Bà: Dương Thị Ninh - Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17/12/2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 40/TB-TA, ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 70/TB-TA, ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã Ng, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Ông Nông Văn Th, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn Th1, sinh năm 1955;

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957;

3. Anh Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1982;

4. Anh Hoàng Văn Ngh, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn Th, xã Ng, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

5. Anh Hoàng Văn Đ2, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn B, xã Th, huyện B, tỉnh Lào Cai.

6. Bà Lao Thị Th2, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Th, ông Th, bà Đ, bà Th2 có mặt. Ông Th1, anh Đ1, anh Ngh, anh Đ2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Th trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nông Văn Th kết hôn với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/5/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng thường hay cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông Th không còn, mâu thuẫn đã thực sự căng thẳng, trầm trọng vợ chồng không thể đoàn tụ gia đình. vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nông Văn Th.

Về con chung: Bà và ông Nông Văn Th có 02 con chung là cháu Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 08/02/2009 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012. Hiện nay hai cháu đang ở cùng bà. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà và ông Th có một số tài sản chung như sau: 01 nhà xây 02 tầng, xây trên đất của mẹ đẻ ông Th; 01 diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Lao Thị Th2 (là mẹ đẻ ông Th); 01 xe mô tô hiệu Angel mua năm 2013 (mua lại), 01 xe mô tô sirius mua tháng 5/2016 (mua mới), 01 máy cưa, 01 máy bào, 01 máy xẻ gỗ; 01 xưởng xẻ gỗ; 01 xưởng làm mộc; 01 ti vi; 01 tủ lạnh; 01 bình nóng lạnh; 01 máy lọc nước. Bà Th đề nghị được sử dụng 01 xe mô tô hiệu sirius vì xe đăng ký đứng tên bà và nhất trí để ông Th trực tiếp sử dụng các tài sản chung nêu trên đồng thời yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm trả cho bà 1/2 trị giá tài sản theo giá của Hội đồng định giá xác định.

Về vay nợ: Bà và ông Th không vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nông Văn Th trình bày*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Th sau một thời gian tìm hiểu, ông và bà Th đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/5/2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông phát hiện bà Th có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Ông Th xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Th không còn. Nay bà Th xin ly hôn ông nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

- *Về con chung:* Ông và bà Th có 02 người con chung tên là Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 08/02/2009 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012. Hiện các

cháu đang sinh sống cùng bà Th, sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung. Trường hợp bà Th nhận nuôi cả hai con chung ông cũng nhất trí và ông sẽ không có trách nhiệm gì đối với con chung

- *Về tài sản chung*: Quá trình chung sống ông và bà Th có một số tài sản chung như sau: 01 nhà xây 02 tầng; 01 xe mô tô hiệu ANGEL mua năm 2013, trị giá khi mua là 8.000.000đồng (đã bán năm 2020); 01 xe mô tô hiệu SIRIUS mua mới tháng 5/2016; 02 xưởng mộc; 01 ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy bào. Còn bình nước nóng lạnh; 01 máy cưa và 01 máy xẻ gỗ ông mua sau khi ông và bà Th sống ly thân, do vậy đây là tài sản riêng của ông. Đối với nhà xây hai tầng ông đề nghị trừ phần đóng góp của bà Lao Thị Th2 là 100.000.000đồng, trị giá còn lại ông nhất trí chia đôi cho ông và bà Th; về xe mô tô hiệu Sirius ông nhất trí giao cho bà Th sử dụng, số tài sản chung còn lại ông nhất trí chia theo quy định, đối với tài sản riêng ông không nhất trí chia theo yêu cầu của bà Th.

Ngoài ra ông Th xác định năm 2009 ông bán một lô đất 8m chiều ngang được 10.000.000đồng, bà Th đã lấy đi 1.000.000đồng, tương đương 01m đất trị giá hiện nay là 30.000.000đồng; từ năm 2008 sau khi kết hôn với bà Th ông phải nuôi con riêng của bà Th đến năm 2018, nên ông tính công lao nuôi dưỡng và chữa bệnh tật trong 10 năm là 50.000.000đồng; tiền bán đất cho ông Nguyễn Văn Tàu được 85.000.000đồng để làm móng và làm nhà tầng 1. Do vậy khi chia tài sản chung của vợ chồng ông yêu cầu trừ đi số tiền nêu trên.

- *Về vay nợ*: Ông và bà Th có các khoản vay nợ như sau: Cho anh Hoàng Văn Ngh - Địa chỉ: Xã Ng, huyện H vay 3.200.000đồng; cho anh Hoàng Văn Đ1 - Địa chỉ: Thôn Th, xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa vay 14.700.000đồng; cho anh Hoàng Văn Đ2 - Địa chỉ: Thôn Th, xã Ng, huyện H vay 3.000.000đồng với lãi suất 1,5%/tháng; cho bố mẹ bà Th là ông Hoàng Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Đ vay 4.450.000đồng. Việc vay nợ không có giấy tờ gì, nhưng ông có ghi vào sổ để theo dõi. Ông đề những người trên phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay và yêu cầu bà Th phải có trách nhiệm đòi cho ông các khoản vay trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ1 trình bày*:

Anh là em ruột của bà Hoàng Thị Th, thời gian cụ thể anh không nhớ anh có được vay số tiền 10.000.000đồng của bà Th và ông Th, khi vay có lập giấy tờ vay tiền. Số tiền vay anh đã trả đủ cho Bà Th và ông Th bằng hình thức anh làm thợ xây nhà cho bà Th và ông Th với tiền công là 180.000đồng/ ngày với thời gian làm khoảng 03 tháng. Việc ông Th xác định anh còn nợ số tiền 14.700.000đồng là không đúng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Th1 trình bày*:

Ông là bố đẻ của bà Hoàng Thị Th. Ông khẳng định từ trước đến nay ông không vay bất kỳ khoản tiền nào của bà Th và ông Th. Việc ông Th xác định ông có vay của bà Th và ông Th số tiền 4.450.000đồng là không đúng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày*:

Bà là mẹ đẻ của bà Hoàng Thị Th. Bà khẳng định từ trước đến nay bà không vay bất kỳ khoản tiền nào của bà Th và ông Th. Việc ông Th xác định bà có vay của Bà Th và ông Th số tiền 4.450.000đồng là không đúng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Ngh trình bày*:

Anh là anh ruột của bà Hoàng Thị Th. Anh Nghĩa khẳng định từ trước tới nay anh không vay khoản tiền nào của bà Th và ông Th, việc ông Th xác định anh có vay của bà Th và ông Th số tiền 3.200.000đồng là không đúng, do vậy anh không nhất trí với yêu cầu của ông Th về việc yêu cầu anh phải trả số tiền đã vay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ2 trình bày:*

Anh là em ruột của bà Hoàng Thị Th. Anh Đ2 xác định có một lần anh có vay của bà Th và ông Th số tiền 3.000.000đồng, nhưng sau đó anh làm thợ xây nhà cho bà Th ông Th và số tiền nợ đã được trừ vào số tiền công xây nhà của anh và hiện tại anh không còn nợ bà Th và ông Th. Việc ông Th yêu cầu anh trả số tiền đã vay anh không nhất trí.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lao Thị Th2 trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của ông Nông Văn Th, thời điểm bà Th và ông Th xây nhà do bà không có tiền, nên bà cho ông Th đất để bán lấy tiền xây nhà. Cụ thể: Lần 1 năm 2009 bán cho anh Nguyễn Chí T 04 mét tám mặt đường được 8 triệu cho ông Th và bà Th giải quyết khó khăn trước mắt; lần 2 năm 2011 bán cho anh Nguyễn Chí T được 40.000.000đồng để mua vật liệu; lần 3 năm 2012 bán cho ông Tấu Điền được 95.000.000đồng để mua vật liệu. Tổng số tiền bà đóng góp cho ông Th và bà Th được 143.000.000đồng. Bà yêu cầu được hưởng công sức đóng góp với số tiền là 100.000.000đồng.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Bà Th và ông Th kết hôn với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/5/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện bà Th và ông Th đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Th và ông Th.

- *Về con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 08/02/2009 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012 cho bà Hoàng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về tài sản chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho ông Nông Văn Th được sở hữu và sử dụng 01 nhà xây 02 tầng và kết cấu, công trình phụ trợ liền kề; 01 máy cưa (dạng máy đứng) loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.500W, hiệu điện cơ Toàn phát, ký hiệu COMPANY; 01 máy bào loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.2500W, hiệu điện cơ Toàn phát, ký hiệu COMPANY. Giao cho bà Th được quyền sở hữu và sử dụng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, biển kiểm soát 22Y1-116.09 có trị giá 7.700.000đồng và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Thị Th

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Th, ông Th phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Nông Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị Th và ông Nông Văn Th kết hôn với nhau năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 12/5/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối và ép buộc. Như vậy hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Th và ông Nông Văn Th là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th xác định trong cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay bà không thể chung sống cùng ông Th được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th. Ông Th xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông phát hiện bà Th có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nay ông Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Th và nên nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà Th và ông Th không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Tại phiên tòa bà Th và ông Th đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Th và ông Th. Do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Th và ông Nông Văn Th là phù hợp với quy định tại Điều 55 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Bà Hoàng Thị Th và ông Nông Văn Th có 02 con chung là cháu Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 08/02/2009 và Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012, hiện tại các cháu đang ở cùng bà Th. Bà Th có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Th nhất trí cho bà Th nuôi dưỡng cả hai con chung và ông sẽ không có trách nhiệm gì đối với con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Quá trình giải quyết vụ án qua hỏi ý kiến của cháu Nông Thị Ngọc D và Nông Thị Ngọc H thì cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bà Th. Mặt khác Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà Th và ông Th sống ly thân thì

các cháu ở cùng bà Th, hiện đang theo học ổn định ở xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tại phiên tòa ông Th xác định quá trình sống ly thân ông không thăm hỏi, cũng như không có trách nhiệm gì đối với con chung với lý do bà Th tự ý đón các cháu về ở cùng bà Th và hiện nay ông đã lấy vợ khác. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, thấy rằng cần giao cháu Nông Thị Ngọc D và cháu Nông Thị Ngọc H cho bà Hoàng Thị Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Th không yêu cầu ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Quá trình chung sống bà Th và ông Th có một số tài sản sau:

[4.1] *Về nhà ở*:

Theo kết quả thẩm định, định giá xác định: 01 nhà xây 02 tầng tổng diện tích là 156,296m² và kết cấu, công trình phụ trợ liên kề (Trong đó: Kết cấu liền kề tầng 1 là nhà xây tường gạch 220mm, mái bê tông với diện tích là 7,36m²; công trình liền kề tầng 1 xây gạch, mái lợp Fibroximăng có diện tích là 7,62m²; kết cấu liền kề tầng 2 là nhà bán mái, tường gạch, mái lợp tôn có diện tích là 27,712m²). Tổng trị giá nhà + Kết cấu liền kề + Công trình phụ trợ liên kề = 370.146.393đồng (Ba trăm bảy mươi triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi ba đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng ngôi nhà ở hiện tại do ông Th đang sử dụng bà Th đã chuyển về huyện Chiêm Hóa sinh sống không có nhu cầu sử dụng nhà. Mặc dù nhà được xây dựng trên đất có nguồn gốc của bà Lao Thị Thảo, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà Th2 xác định đất đã cho ông Th sử dụng và hiện bà đang ở cùng ông Th, trường hợp Tòa án giao nhà cho ông Th sử dụng bà cũng nhất trí. Do vậy cần giao nhà cho ông Th sử dụng và ông Th có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho bà Th là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà Lao Thị Th2 về việc được hưởng công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bà Th và ông Th (đóng góp vào ngôi nhà xây hai tầng). Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù bà Th2 không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc có công sức đóng góp vào việc xây nhà, nhưng qua xác minh xác định ông Th có chuyển nhượng một số diện tích đất cho ông Nguyễn Trí Tâm, phù hợp với lời khai của bà Th2 và diện tích đất ông Th chuyển nhượng có nguồn gốc của bà Lao Thị Th2. Tại phiên tòa bà Th cũng nhất trí trả cho bà Th2 một phần công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bà Th và ông Th là 20% tổng trị giá ngôi nhà, ông Th nhất trí trả công sức đóng góp cho bà Th2 với số tiền 100.000.000đồng theo yêu cầu của bà Th2. Do vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lao Thị Th2 và tính công sức đóng góp vào khối tài sản chung là 25% của tổng trị giá ngôi nhà là 370.146.393đồng x 25% = 92.536.598đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi tám đồng).

Như vậy ông Th có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch trị giá nhà cho bà Th cụ thể như sau: 370.146.393đồng - 92.536.598đồng = 277.609.795 : 2 = 138.804.898đồng (Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm linh tư nghìn tám trăm chín mươi tám đồng).

[4.2] *Về các tài sản khác*:

- Theo kết quả thẩm định, định giá xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL có giá là 4.720.000đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu SRIUS có giá là 7.700.000đồng; 01 máy

cưa (dạng máy đứng) loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.500W, hiệu điện cơ Toàn Phát, ký hiệu COMPANY có giá là 2.406.250đồng; 01 máy bào loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.2500W, hiệu điện cơ Toàn phát, ký hiệu COMPANY có giá là 756.250đồng; 01 máy xẻ gỗ động cơ không đồng bộ ba pha - Tiêu chuẩn Việt Nam, 2005, Model: Y160M-4, 11KW-330V-1.460R/MIN-50Hz có giá là 2.200.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù ông Th xác định 01 máy bào loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.2500W và 01 máy xẻ gỗ động cơ không đồng bộ ba pha - Tiêu chuẩn Việt Nam, ông Th mua sau khi ông và bà Th sống ly thân là tài sản riêng của ông, nhưng ông Th không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh mua sau khi ly thân và chứng cứ chứng minh là tài sản riêng, mặt khác thấy rằng ông Th xác định tất cả máy móc đều mua năm 2016 (thời điểm vợ chồng chưa ly thân), do vậy đây là tài sản chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Th và ông Th, nên mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Do bà Th không có nhu cầu sử dụng và nhất trí để cho ông Th sử dụng nên cần giao cho ông Th sử dụng và ông Th có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch cho bà Th. Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS bà Th đề nghị được sử dụng, ông Th cũng nhất trí giao cho bà Th sử dụng, thấy rằng chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên bà Th, do vậy cần giao cho bà Th sử dụng là phù hợp.

- Về giá theo Hội đồng định giá và giá do ông Th xác định: Đối với 01 máy xẻ gỗ động cơ không đồng bộ ba pha - Tiêu chuẩn Việt Nam, 2005, Model: Y160M-4, 11KW-330V-1.460R/MIN-50Hz theo kết quả của Hội đồng định giá là 2.200.000đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Th xác định trị giá khi mua là 31.000.000đồng và đã bán khoảng năm 2018 với giá bán là 25.000.000đồng, nhưng người mua mới trả được 20.000.000đồng và xin lại 5.000.000đồng ông cũng nhất trí. Qua xác minh với người mua tài sản xác định trị giá máy xẻ gỗ các bên mua bán là 25.000.000đồng. Như vậy một mình ông Th đã hưởng số tiền bán máy xẻ gỗ, do đó cần xác định giá trị giá chiếc máy xẻ là 20.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổng trị giá các tài sản là 35.582.500đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Tổng trị giá nhà và các tài sản khác (sau khi trừ phần công sức đóng góp của bà Lao Thị Th2) là 313.192.295đồng, bà Th và ông Th mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản là 156.596.148đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi tám đồng).

[4.3] Về diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Lao Thị Th2; 01 xưởng xẻ gỗ; 01 xưởng làm mộc; 01 ti vi; 01 tủ lạnh và 01 bình nóng lạnh theo đơn khởi kiện bà Th yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà Th không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với yêu cầu của ông Th về việc năm 2009 ông bán một ô đất 8m chiều ngang được 10.000.000đồng, bà Th đã lấy đi 1.000.000đồng, tương đương 01m đất trị giá hiện nay là 30.000.000đồng; từ năm 2008 sau khi kết hôn với Bà Th ông phải nuôi con riêng của bà Th đến năm 2018, nên ông tính công lao nuôi dưỡng và chữa bệnh tật trong 10 năm là 50.000.000đồng; tiền bán đất cho ông Nguyễn Văn Tấu được 85.000.000đồng để làm móng và làm nhà tầng. Do vậy khi chia tài sản chung của vợ chồng ông yêu cầu trừ đi số tiền nêu trên. Tuy nhiên quá

trình giải quyết vụ án ông Th không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về vay nợ chung*: Bà Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết; ông Th yêu cầu giải quyết các khoản nợ trong thời kỳ chung sống ông Th và bà Th cho những người khác vay nợ, cụ thể: Cho anh Hoàng Văn Ngh vay 3.200.000đồng; cho anh Hoàng Văn Đ1 vay 14.700.000đồng; cho anh Hoàng Văn Đ2 vay 3.000.000đồng; cho ông Hoàng Văn Th1 và bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 4.450.000đồng. Tuy nhiên ngày 29/7/2020 Tòa án Thông báo cho ông Th nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định (Thông báo số 1239) và đã tổng đạt hợp lệ cho ông Th, nhưng hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được thông báo ông Th không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định mà không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử không xem xét và tách ra, dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho ông Nông Văn Th. Ngoài ra ông Th còn xác định bà Hoàng Thị B - Trú tại xã Ph, huyện H nợ số tiền 4.000.000đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông Th không yêu cầu giải quyết khoản nợ này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về chi phí thẩm định, định giá*: Bà Hoàng Thị Th đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hoàng Thị Th tự nguyện nộp các chi phí thẩm định, định giá và đề nghị không đề cập giải quyết trong bản án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bà Hoàng Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Th và ông Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với trị giá phần tài sản được hưởng ($156.596.147\text{đồng} \times 5\% = 7.829.807\text{đồng}$). Bà Th2 không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận và án phí tương ứng với phần trị giá tài sản được hưởng do bà Th2 là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí có xác nhận của chính quyền địa phương, nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 235; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 55; 59, 60, 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Th và ông Nông Văn Th.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 08/02/2009 và cháu Nông Thị Ngọc H, sinh ngày 24/11/2012 cho bà Hoàng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nông Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Th và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. *Về tài sản chung*: Giao cho ông Nông Văn Th được sở hữu và sử dụng 01 (một) nhà xây 02 tầng tổng diện tích là $156,296\text{m}^2$ và kết cấu, công trình phụ

trợ liên kê có tổng diện tích là 42,69m²; 01 máy cưa (dạng máy đứng) loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.500W, hiệu điện cơ Toàn phát, ký hiệu COMPANY; 01 máy bào loại nhỏ có gắn củ mô tơ loại 1.2500W, hiệu điện cơ Toàn phát, ký hiệu COMPANY.

Giao cho bà Th được quyền sở hữu và sử dụng 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, biển kiểm soát 22Y1-116.09 có trị giá 7.700.000đồng (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) và 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Hoàng Thị Th.

Buộc ông Nông Văn Th có nghĩa vụ trả công sức đóng góp vào khối tài sản chung cho bà Lao Thị Th2 với tổng số tiền là 92.536.598đồng (chín mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi tám đồng) và phải có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch về trị giá tài sản cho bà Hoàng Thị Th với tổng số tiền là 148.896.148đồng (một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi tám đồng).

Khoản tiền phải trả kể khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lao Thị Th2, bà Hoàng Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Th chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của bà Hoàng Thị Th về yêu cầu chia diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà Lao Thị Th2; 01 xưởng xẻ gỗ; 01 xưởng làm mộc; 01 tivi; 01 tủ lạnh và 01 bình nóng lạnh.

4. *Về vay nợ*: Dành quyền khởi kiện vụ án riêng cho ông Nông Văn Th đối với các khoản vay nợ như ông Th trình bày.

5. *Về án phí*: Bà Hoàng Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 7.829.807đồng (bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh bảy đồng) án phí dân sự có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.908.750đồng (Tám triệu chín trăm linh tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0006270 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên. Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị Th số tiền số tiền chênh lệch là 778.943đồng (Bảy trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng). Ông Nông Văn Th phải nộp 7.829.807đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn tám trăm linh bảy đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Miễn nộp tiền án phí cho bà Lao Thị Th2.

6. *Về quyền kháng cáo*: Bà Th, ông Th, bà Đ, bà Th2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Th1, anh Đ1, anh Ngh, anh Đ2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án. Người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành việc thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Văn Tuyển

\

